



## Chương trình đào tạo GDTH

Phát Triển Chương Trình Giáo Dục Tiểu Học (Đại học Vinh)



Scan to open on Studeersnel

# TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

### Giới thiệu về ngành Giáo dục tiểu học

1. Tên ngành

Tên tiếng Việt: Giáo dục tiểu học

Tên tiếng Anh: Primary Education

2. Mã số ngành đào tạo: 7140202

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: **Cử nhân** ngành Giáo dục tiểu học

Tên tiếng Anh: **Bachelor in Primary Education**

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Vinh

### 1. Mục tiêu chương trình đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu tổng quát

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể. Trình bày thành 4 nhóm mục tiêu theo tiếp cận CDIO gồm:

Nhóm 1. Kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH;

Nhóm 2: Phẩm chất, năng lực cá nhân và nghề nghiệp;

Nhóm 3: Năng lực giao tiếp, hợp tác

Nhóm 4: Năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực GDTH

### 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT được thiết kế từ tổng quát đến chi tiết theo các cấp độ tăng dần từ 1 đến 3. Cụ thể:

2.1. **CĐR cấp độ 1:** gồm 4 CĐR theo 4 mục tiêu cụ thể (PLO1 -> PLO 4);

2.2. **CĐR cấp độ 2:** gồm 8 CĐR, mỗi chuẩn đầu ra ở cấp độ này là sự cụ thể hoá của CĐR ở cấp độ 1. Cụ thể:

Mục tiêu tổng quát				
Mục tiêu cụ thể	MT1	MT2	MT3	MT4
Cấp độ 1	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4
Cấp độ 2	PLO 1.1	PLO 2.1	PLO 3.1	PLO 4.1
	PLO 1.2	PLO 2.2	PLO 3.2	PLO 4.2

Nội dung các chuẩn đầu ra ở cấp độ 2 là một danh sách mô tả những gì sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp gồm:

- Kiến thức cơ bản, cốt lõi về chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục tiểu học;
- Phẩm chất, năng lực cá nhân cần cho cuộc sống;
- Phẩm chất và năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục tiểu học;
- Năng lực thực hành CDIO

**2.3. CDR cấp độ 3:** gồm 27 CDR. Mỗi chuẩn đầu ra ở cấp độ này là sự chi tiết hoá nội dung của CDR cấp độ 2.

- Mỗi CDR cấp độ 3 sử dụng các động từ nhằm khẳng định những gì mà sinh viên tốt nghiệp có thể thực hiện được.
- Mỗi CDR cấp độ 3 sẽ được xác định tương ứng với một mức độ năng lực tương ứng theo thang 5 bậc của Bloom (các CDR kiến thức, phẩm chất và năng lực sẽ dùng chung 1 thang TĐNL) và sẽ được phân nhiệm cho các học phần (sau khi xây dựng hệ CDR cấp độ 4).

<b>Mục tiêu tổng quát</b>				
<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>MT1</b>	<b>MT2</b>	<b>MT3</b>	<b>MT4</b>
<b>Nội dung</b>	<b>Kiến thức</b>	<b>PC, NL cá nhân và nghề nghiệp</b>	<b>NL giao tiếp, hợp tác và năng lực ICT</b>	<b>NL thực hành CDIO (NL đặc thù ngành GDTH)</b>
<b>Cấp độ 1</b>	<b>PLO1</b>	<b>PLO2</b>	<b>PLO3</b>	<b>PLO4</b>
<b>Cấp độ 3</b>	PLO 1.1 (3CDR)	PLO 2.1 (5 CDR)	PLO 3.1(2 CDR)	PLO 4.1(2 CDR)
	PLO 1.2 (3 CDR)	PLO 2.2 (2 CDR)	PLO 3.2(2 CDR)	PLO 4.2 (5 CDR)
	PLO 1.3 (4 CDR)			
<b>Số lượng CDR</b>	10	7	4	7
<b>Tỉ lệ %</b>	35,7%	25%	14,3%	25%

## MỤC TIÊU CỦA CTĐT

**Mục tiêu tổng quát:** Chương trình **cử nhân** giáo dục tiểu học đào tạo sinh viên tốt nghiệp trở thành công dân tự chủ và có trách nhiệm xã hội; là nhà giáo dục với các phẩm chất và năng lực cần thiết; có khả năng *hình thành ý tưởng (C) – thiết kế (D) – thực hiện (I) và đánh giá (O)* chương trình giáo dục tiểu học trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

### **Mục tiêu cụ thể:**

Mục tiêu 1: Áp dụng các kiến thức nền tảng và lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục tiểu học;

Mục tiêu 2: Vận dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành;

Mục tiêu 3: Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và học tập suốt đời trong bối cảnh nghề nghiệp;

Mục tiêu 4: Hình thành *ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá* chương trình Giáo dục tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

TT	CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mức độ NL
<b>1</b>	<b>NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	
<b>CDR 1.1.</b>	<b><i>Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội và pháp luật vào các hoạt động nghề nghiệp</i></b>	
1.1.1.	Áp dụng được kiến thức cơ bản của triết học Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
1.1.2.	Áp dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị, lịch sử đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
1.1.3.	Áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, an ninh-quốc phòng vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
<b>CDR 1.2.</b>	<b><i>Áp dụng kiến thức nền tảng, cốt lõi về khoa học giáo dục; khoa học tự nhiên và xã hội, toán học, công nghệ vào hoạt động nghề nghiệp</i></b>	
1.2.1.	Áp dụng được kiến thức cốt lõi về tâm lý, giáo dục vào các hoạt động nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	K4
1.2.2.	Áp dụng được kiến thức lí luận cốt lõi về phương pháp giáo dục, dạy học và đánh giá vào các hoạt động phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	K4
1.2.3.	Áp dụng được kiến thức nền tảng toán học, khoa học tự nhiên-xã hội, và công nghệ vào hoạt động phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	
<b>CDR 1.3.</b>	<b><i>Vận dụng thành thạo kiến thức về phương pháp, công cụ và phương tiện vào dạy học các môn học trong chương trình giáo dục tiểu học</i></b>	
1.3.1.	Vận dụng được kiến thức toán học và các chiến lược dạy học toán để phát triển năng lực học sinh	K4
1.3.2.	Vận dụng được kiến thức ngữ văn và các chiến lược dạy học ngữ văn để phát triển phẩm chất, năng lực phẩm chất, năng lực học sinh	K4
1.3.3.	Vận dụng được kiến thức về tự nhiên – xã hội và các chiến lược dạy học tự nhiên-xã hội để phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	K4
1.3.4.	Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật, công nghệ và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	K4
<b>2</b>	<b>NHÓM 2. NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>CDR 2.1.</b>	<b><i>Thể hiện được năng lực cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để hoạt động hiệu quả trong môi trường giáo dục tiểu học</i></b>	
2.1.1.	Thể hiện năng lực tư duy và lập luận sự phạm, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy phản biện trong thực tiễn nghề nghiệp	S4
2.1.2.	Thể hiện kĩ năng tự học, khả năng quản lí thời gian và nguồn lực vào trong thực tiễn nghề nghiệp	S4

2.1.3	Sử dụng được các công nghệ thông tin truyền thông tiên tiến (ICT) vào các hoạt động nghề nghiệp	S4
2.1.4	Thể hiện được kỹ năng dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực	S4
2.1.5	Xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lý của học sinh tiểu học và xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, tích cực cho hoạt động học tập của học sinh	S4
<b>CĐR 2.2.</b>	<b><i>Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo</i></b>	
2.2.1.	Thể hiện phẩm chất chính trị, trách nhiệm công dân và đạo đức nhà giáo	A4
2.2.2.	Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp, có phong cách chuẩn mực của một nhà giáo	A4
<b>3</b>	<b>NHÓM 3. NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC</b>	
<b>CĐR 3.1</b>	<b><i>Thể hiện khả năng hợp tác có mục đích, có tính xây dựng trong thực tiễn nghề nghiệp</i></b>	
3.3.1.	Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong các hoạt động nghề nghiệp	S4
3.3.2.	Lãnh đạo và phát triển được các nhóm công việc trong các hoạt động nghề nghiệp	S4
<b>CĐR 3.2</b>	<b><i>Thể hiện được năng lực giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn hoặc bằng ngoại ngữ</i></b>	
3.2.1.	Thực hiện thành thạo các hình thức giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động nghề nghiệp	S4
3.2.2.	Thực hiện giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản (bậc 3/6) để hỗ trợ công việc chuyên môn	S4
<b>4</b>	<b>NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>CĐR 4.1</b>	<b><i>Xác định được mối liên hệ giữa bối cảnh xã hội và bên ngoài đối với ngành giáo dục tiểu học; bối cảnh nhà trường tiểu học và các hoạt động nghề nghiệp</i></b>	
4.1.1.	Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục học sinh tiểu học; những quy định của xã hội đối với cấp giáo dục tiểu học; Phân tích được tác động của giáo dục tiểu học đến xã hội; xác định được bối cảnh văn hoá và lịch sử liên quan đến giáo dục tiểu học;	C5
4.1.2.	Xác định được sự khác biệt văn hoá nhà trường giữa các trường tiểu học; xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường	C5
<b>CĐR 4.2</b>	<b><i>Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp giáo dục tiểu học</i></b>	
4.2.1.	Hình thành được ý tưởng trong thực tiễn dạy học, giáo dục và đánh giá nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	C5
4.2.2.	Xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	C5

4.2.3.	Thiết kế được các kế hoạch và hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	C4
4.2.4.	Thực hiện được các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá trong thực tiễn nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	C4
4.2.5.	Phát triển được các chương trình, kế hoạch và hoạt động dạy học, giáo dục trong thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục	C4

### 3. Khung chương trình đào tạo

#### 3.1. Cấu trúc chương trình

Tại mỗi thời điểm phát triển CTĐT, chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế đảm bảo tương thích có định hướng với CDR của CTĐT. CTDH năm 2020 được rà soát và cập nhật theo Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV của Trường Đại học Vinh. Bảng 3.1 mô tả cấu trúc của CTDH và mối liên hệ giữa các mô-đun với các CDR của CTĐT. Ngoài khối lượng học tập trong CTDH, sinh viên phải hoàn thành các khóa học về Giáo dục Thể chất (5 tín chỉ), **An ninh – Quốc phòng (8 tín chỉ)** và được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ và các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp sinh viên cải tiến kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp.

#### 3.2. Các học phần theo mô-đun

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
	<b>CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI (11 tín chỉ)</b>	
	Triết học Mác - Lê Nin	3
	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2
	Lịch sử Đảng CSVN	2
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	Đường lối Đảng cộng sản Việt Nam	2
	<b>TỔNG</b>	<b>11</b>
	<b>KHOA HỌC GIÁO DỤC: 10 tín chỉ</b>	
	<b>Nhập môn ngành sư phạm</b>	3
	Tâm lý học	3
	Giáo dục học	4
	<b>TỔNG</b>	<b>10</b>



	<b>Tiếng Anh và Tin học: 11 tín chỉ</b>	
	Tiếng Anh 1	3
	Tiếng Anh 2	4
	ICT trong giáo dục	4
	<b>TỔNG</b>	<b>11</b>
	<b>CƠ SỞ NGÀNH: 36 tín chỉ</b>	
	Cơ sở tự nhiên xã hội	4
	Tiếng Việt	5
	Tâm lí học giáo dục tiểu học	5
	Toán học 1	4
	Tự chọn 1	3
	Văn học thiếu nhi	3
	Giáo dục học tiểu học	4
	Tự chọn 2	3
	Toán học 2	3
	Giáo dục sức khỏe	3
	<b>TỔNG</b>	<b>35</b>
	<b>CHUYÊN NGÀNH: 49 tín chỉ</b>	
	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm TX	2
	Đánh giá trong giáo dục	2

	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	3
	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	5
	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc	5
	Phương pháp dạy học Toán	5
	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	5
	Tự chọn 3	2
	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	3
	Phương pháp dạy học Thể dục	2
	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ	3
	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	5
	Phát triển chương trình Giáo dục tiểu học	3
	Tự chọn 4	2
	Quản lý cơ sở giáo dục	2
	<b>TỔNG:</b>	<b>49</b>
	<b>THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP: 10 tín chỉ</b>	
	Thực tập sư phạm	5
	Khóa luận tốt nghiệp	5
	<b>TỔNG</b>	<b>10</b>

### KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TIẾP CẬN CDIO

Ngành: Giáo dục Tiểu học

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHV ngày /9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (1)/Thực hành, thực tập(2)/Thảo luận, Bài tập (3)/Đồ án học phần (4)/Thực tập TN (5)/Đồ án TN (6)						Phân kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)
				1	2	3	4	5	6			
		<b>KIẾN THỨC BẮT BUỘC</b>										
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm	3	15			30			1	Bắt buộc	Trường Sư phạm
2	PRI31001	Cơ sở tự nhiên xã hội	4	30		30				1	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
3	EDU21003	Tâm lý học	3	30		15				1	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
4	PRI31002	Toán học 1	3	15		30				1	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
5	POL11001	Triết học Mác - Lênin	3	30		15				1	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
6	EDU20006	Giáo dục học	4	45		15				2	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
7	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20		10				2	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
8	EDU20026	Tâm lý học giáo dục tiểu học	5	15		30	30			2	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
9	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30		15				2	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
10	EDU20009	Văn học thiếu nhi	3	20		25				2	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	(2)	30						(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	(2)	30						(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	(2)	15	15					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)	(2)	4	26					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15	60					(1-3)	Bắt buộc	Giáo dục thể chất
11	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		10				3	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
12	EDU30014	Giáo dục học tiểu học	4	15		15	30			3	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
13	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45		15				3	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ

14	EDU31038	Tiếng Việt	5	30		45			3	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
15		<b>Tự chọn 1</b>	3						3	Tự chọn	
16	EDU31033	Giáo dục sức khỏe	3	30		15			4	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
17	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		10			4	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
18	EDU30093	Toán học 2	4	30		30			4	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
19		<b>Tự chọn 2</b>	3						4	Tự chọn	
20	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	15	15		30		4	Bắt buộc	Tin học
21	EDU31024	<b>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên</b>	<b>2</b>		<b>30</b>				<b>5</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Giáo dục tiểu học</b>
22	EDU30032	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	3	15	15	15			5	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
23	EDU30038	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	5	30	15	30			5	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
24	EDU30048	Phương pháp dạy học Toán	5	30	15		30		5	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
25	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		10			5	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
26	EDU30046	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc	5	30	30	15			6	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
27	EDU30098	Phương pháp dạy học Thể dục	2	20	10				6	Bắt buộc	Giáo dục thể chất
28	EDU30049	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	5	30	15		30		6	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
29	EDU20010	<b>Đánh giá trong giáo dục</b>	<b>2</b>	<b>15</b>		<b>15</b>			<b>6</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Tâm lý - Giáo dục</b>
30		<b>Tự chọn 3</b>	2						6	Tự chọn	
31	EDU30066	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	5	30	30	15			7	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
32	EDU31068	Phát triển chương trình giáo dục	3	15		30			7	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
33	EDU30099	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ	3	15	15	15			7	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
34	EDU31052	Quản lý cơ sở giáo dục	2	15		15			7	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
35	EDU32045	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	3	15	15	15			7	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học

36		Tự chọn 4	2						7	Tự chọn	
37	EDU31088	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8				7 5	45	8	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
		Tổng	126								

#### Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 6 học phần)

1	EDU20014	Đại cương văn học Việt Nam	<b>3</b>	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
2	EDU20011	Giao tiếp sư phạm	<b>3</b>	15		30				3	Tự chọn	Tâm lý - Giáo dục
3	EDU20019	Lý luận văn học	<b>3</b>	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
4	EDU20025	Ngữ dụng học	<b>3</b>	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
5	EDU31005	Từ Hán Việt	<b>3</b>	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
6	EDU20020	Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm	<b>3</b>	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục Mầm non

#### Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 6 học phần)

1	EDU31030	Cơ sở hình học và thống kê	<b>3</b>	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
2	EDU20015	Đại số sơ cấp	<b>3</b>	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
3	EDU20016	Giáo dục hòa nhập	<b>3</b>	15		30				4	Tự chọn	Tâm lý - Giáo dục
4	EDU20018	Lịch sử và Địa lý địa phương	<b>3</b>	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
5	EDU20022	Phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến	<b>3</b>	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục Mầm non
6	EDU31031	Số học	<b>3</b>	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục tiểu học

#### Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 7 học phần)

1	EDU31009	Công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học	<b>2</b>	15		15				6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
---	----------	--	----------	----	--	----	--	--	--	---	---------	-------------------

2	EDU30094	Dạy học tích hợp trong Tự nhiên - xã hội	2	15		15			6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
3	EDU30100	Dạy học Tự nhiên - xã hội bằng phương pháp Bàn tay nặn bột	2	15		15			6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
4	EDU30095	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	2	15		15			6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
5	EDU30096	Giáo dục STEM ở tiểu học	2	15		15			6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
6	EDU30097	Hoạt động Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ở trường tiểu học	2	15		15			6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
7	EDU31020	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	2	15		15			6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học

#### Tự chọn 4 (Chọn 1 trong 7 học phần)

1	EDU30111	Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
2	EDU31046	Bồi dưỡng năng lực âm nhạc cho học sinh	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
3	EDU31007	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
4	EDU31066	Bồi dưỡng năng lực mỹ thuật cho học sinh	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
5	EDU31026	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
6	EDU32026	Thực hành giải bài tập Toán	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
7	EDU31003	Thực hành giải toán tư duy cho học sinh	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học

#### 4. Vị trí việc làm và cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành GDTH có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- **Lĩnh vực dạy học:** là giáo viên tiểu học các trường công lập hoặc ngoài công lập
- **Lĩnh vực quản lý giáo dục:** học tập nâng cao trình độ để trở thành chuyên viên, nhà quản lý, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục.
- **Các lĩnh vực khác:** học tập chuyển đổi văn bằng 2, ngành 2 trong một số lĩnh vực khác theo quy định hiện hành.

#### 5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

##### 5.1. Tuyển sinh

Tuyển sinh đầu vào được đánh giá sau khi các thí sinh có kết quả của kỳ thi THPT Quốc

gia (được tổ chức bởi Bộ GD&ĐT) và nộp hồ sơ xét tuyển vào Trường. Dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng thí sinh hồ sơ nộp, tổ hợp các môn xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Trường xác định điểm chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào nhưng không thấp hơn điểm chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT. Ngành GDTH tuyển sinh theo 2 phương thức: (i) dựa trên 04 tổ hợp các môn xét tuyển bao gồm: C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý), A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), C20 (Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân) và D01 (Toán, Tiếng Anh, Ngữ Văn), không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh;

(ii) xét tuyển học bạ THPT, không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

Ngoài ra, Ngành GDTH xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng vào đại học chính quy được công bố trong Đề án tuyển sinh của Trường đại học Vinh.

## 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp: (i) cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập; (ii) hoàn thành 150 các tín chỉ của CTĐT; (iii) điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; (iv) có chứng chỉ Ngoại ngữ B1, tương đương trình độ bậc 3/6 theo tham chiếu Châu Âu; (v) có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng; (vi) hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường. Đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp.

Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

## 6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	CDR														
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Thuyết trình	✓	✓	✓												
Vấn đáp	✓	✓	✓												
Hướng dẫn	✓	✓	✓												
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓				✓			✓	✓	✓	
Thảo luận	✓	✓	✓												
Thực hành					✓							✓	✓	✓	✓
Hoạt động nhóm			✓	✓				✓	✓						
Nghiên cứu tình huống			✓		✓					✓					
Học dựa trên dự án			✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓

### **Bảng 1.2. Ảnh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập**

Đối với các học phần giáo dục đại cương (chính trị, kinh tế, xã hội, toán, khoa học tự nhiên, tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và học dựa trên dự án. Những hoạt động này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục của CT GDTH để đáp ứng các yêu cầu của người dùng.

#### **6.1. Thuyết trình**

Thuyết trình là phương pháp dạy học bằng lời nói của người dạy để trình bày kiến thức mới hoặc tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Dạy học theo phương pháp thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà người học khó tự tìm hiểu được một cách sâu sắc; giúp người học hiểu được hình mẫu về cách tư duy logic, cách đặt và giải quyết vấn đề khoa học, cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt những vấn đề khoa học một cách chính xác, rõ ràng, súc tích thông qua cách trình bày của người dạy; tạo điều kiện phát triển năng lực chú ý và kích thích tính tích cực tư duy của người học, vì có như vậy người học mới hiểu được lời giảng của người dạy và mới ghi nhớ được bài học. Ngoài ra, thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt một khối lượng tri thức khá lớn cho nhiều người học trong cùng một lúc.

#### **6.2. Vấn đáp**

Vấn đáp là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng hệ thống câu hỏi để dẫn dắt người học giải quyết nhiệm vụ học tập. Dạy học theo phương pháp vấn đáp nhằm giúp người học củng cố, mở rộng, tổng kết và hệ thống hoá những tri thức đã tiếp thu được; kích thích tư duy độc lập của người học, giúp người học hiểu nội dung học tập; lôi cuốn người học vào quá trình học tập, tạo không khí học tập sôi nổi trong lớp học; hình thành và phát triển kỹ năng nói, diễn đạt ý tưởng của người học.

#### **6.3. Tự học**

Tự học là hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp người học rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

#### **6.4. Thảo luận**

Thảo luận là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giáo viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới cho giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, có thể giúp người học rút ra được những giải pháp mới từ các ý kiến khác nhau. Ngoài ra, phương pháp này còn khiến người học chú tâm hơn đến các đề tài đang được thảo luận; giúp cho những ý tưởng và sự thể nghiệm của người học được tôn trọng; giúp cho người học hiểu rõ được những đặc điểm của quá trình thảo luận dân chủ; giúp người học phát triển khả năng trao đổi suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích và tổng hợp.

#### **6.5. Thực hành**

Thực hành được thực hiện tại phòng học, ngoài không gian lớp học hoặc tại trường phổ thông và được thiết kế trong các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Thực hành được tiến hành sau các giờ học lý thuyết nhằm mục đích giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghề



nghiệp, kỹ năng phân tích, tổng hợp; rèn luyện đức tính kiên trì và bồi dưỡng hứng thú nghiên cứu khoa học.

### **6.6. Hoạt động nhóm**

Hoạt động nhóm là một trong những phương pháp dạy nhằm phát huy tính tích cực của người học, lấy hoạt động của người học làm trung tâm. Hoạt động nhóm là cách thức trao đổi ý kiến, quan điểm giữa người học trong một nhóm với nhau và trong một khoảng thời gian nhất định một về một vấn đề học tập hay một vấn đề của cuộc sống có liên quan đến nội dung học tập. Kết quả của từng nhóm sẽ được trình bày để thảo luận chung trước khi giáo viên đi đến kết luận cuối cùng. Hoạt động nhóm nhằm tạo cơ hội tối đa cho người học bộc lộ hiểu biết quan điểm của mình về nội dung, phương pháp học tập; rèn luyện khả năng diễn đạt, cách thức tư duy và ý tưởng của cá nhân; tạo điều kiện cho người học có thể học hỏi lẫn nhau; đề cao tinh thần hợp tác, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho người học; giúp cho giáo viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.

### **6.7. Nghiên cứu tình huống**

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Trong phương pháp dạy học này giảng viên cung cấp cho sinh viên tình huống dạy học, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

### **6.8. Học dựa trên dự án**

Học dựa vào trên dự án là phương pháp tổ chức dạy học thông qua các dự án hay đề tài thực tế. Người học được tạo điều kiện để thực hiện mới hoặc làm lại các đề tài hay nội dung khoa học mà nhà nghiên cứu đã tiến hành, chẳng hạn như: xây dựng lại một bản thiết kế, lập kế hoạch, phát triển các hoạt động giáo dục và dạy học,... Theo đó, người học sẽ cảm thấy rất hứng thú bởi họ được tham gia gần như “trực tiếp” vào trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Chính vì thế, quá trình tiếp thu kiến thức cũng diễn ra một cách tích cực. Người học không những được tiếp cận với thông tin mới mà còn được rèn luyện kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, đọc hiểu, tóm tắt, và trình bày các vấn đề khoa học.

Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án. Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO như: lập giả thiết, kỹ năng thiết kế - triển khai, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình.

## **7. Các hình thức đánh giá**

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được CĐR của các học phần và từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của CTĐT. Ngành CNTT đánh giá sinh viên trong quá trình học tập dựa trên Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Các học phần được đánh giá bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập), đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần. Các hình thức đánh giá được sử dụng để phù hợp với CĐR của CTĐT được mô tả như Bảng 1.3.

**Bảng 1.3.** Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR của CTĐT														
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
1. Ý thức và thái độ học tập	Rubric s				√											
2. Hồ sơ học phần	Rubric s	√	√	√	√											
3. Kiểm tra bài tập	Đáp án	√	√	√		√					√					
4. Thi trắc nghiệm	Đáp án	√	√	√												
5. Thi tự luận	Đáp án	√	√	√		√				√	√					
6. Thi thực hành	Rubric s			√		√							√	√	√	√
7. Viết báo cáo	Rubric s								√	√						
8. Thuyết trình báo cáo	Rubric s								√	√						
9. Đồ án	Rubric s			√		√				√			√	√	√	√
10. Hoạt động nhóm	Rubric s				√				√							

### 7.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1 hoặc Rubric 2 tùy thuộc vào các học phần lý thuyết hay học phần có thực tập/đồ án.

### 7.2. Đánh giá hồ sơ học phần

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm (được đánh giá theo các tiêu chí trong Bảng Rubric 3). Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

#### 7.2.1. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

#### 7.2.2. Đánh giá theo hình thức tự luận

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

### 7.2.3. Đánh giá theo hình thức thực hành

Sinh viên phải thực hiện các nội dung thực hành liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần được quy định trong đề cương chi tiết của CTĐT. Thang điểm đánh giá được sử dụng từ 0 đến 10. Các tiêu chí đánh giá của các học phần có thực hành được thể hiện trong Bảng Rubric 4.

### 7.2.4. Đánh giá viết báo cáo

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric 5.

### 7.2.5. Đánh giá thuyết trình

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong Bảng Rubric 6.

## 7.3. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

### 7.3.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của CTĐT được quy định như Bảng

### 7.3.2. Điểm đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như quy định trong Bảng 1.4.

**Bảng 1.4.** Thang điểm đánh giá học phần

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8.5 – 10.0	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

**Bảng 1.5.** Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỷ lệ
<b>1. Đánh giá quá trình</b>	<b>50%</b>
<p><i>1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập.</li> <li>- Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.</li> </ul>	10%
<p><i>1.2. Đánh giá hồ sơ học phần</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập, .v.v.</li> <li>- Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.</li> </ul>	20%
<p><i>1.3. Đánh giá giữa kỳ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu số tín chỉ lý thuyết <math>\leq 3</math> thì tổ chức 1 lần kiểm tra.</li> <li>- Nếu số tín chỉ lý thuyết <math>\geq 4</math> thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.</li> </ul>	20%
<p><b>2. Đánh giá thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Học phần chỉ có lý thuyết</i>: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...)</li> <li>- <i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i>: điểm đánh giá cuối kỳ là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án.</li> <li>- <i>Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án</i>: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.</li> </ul>	<b>50%</b>
<p><b>3. Công thức tính điểm học phần</b></p> <p><i>3.1. Học phần chỉ có lý thuyết</i></p> <p>Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:</p> $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + a_4 \times 0.5.$ <p>Trong đó, <math>a</math>: điểm học phần; <math>a_1</math>: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; <math>a_2</math>: điểm đánh giá hồ sơ học phần; <math>a_3</math>: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; <math>a_4</math>: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.</p> <p><i>3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.</li> </ul>	

3.3. Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + (a_4 * m + a_5 * n) * 0.5 / (m + n).$$

Trong đó,  $a$ : điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân;  $a_1$ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên;  $a_2$ : điểm đánh giá hồ sơ học phần;  $a_3$ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần;  $a_4$ : điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết;  $a_5$ : điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án;  $m$ : số tiết lý thuyết;  $n$ : số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

3.4. Học phần thực tập cuối khóa:

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$$

Trong đó,  $a$ : điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân;  $a_1$ : điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn;  $a_2$ : điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

## CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Để trở thành 01 sinh viên tốt nghiệp ngành SP GDTH đạt loại giỏi, xuất sắc theo anh/chị trong quá trình học tập và rèn luyện ở trường ĐHSP cần phải trang bị những phẩm chất và năng lực gì ?

2. Bạn mong muốn gì về cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp ngành SP GDTH ?

3. Câu hỏi trắc nghiệm

**Câu 1:** Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành GDTH theo tiếp cận CDIO được trình bày thành 4 nhóm:

Nhóm 1. Kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH;

Nhóm 2: Phẩm chất, năng lực cá nhân và nghề nghiệp;

Nhóm 3: Năng lực giao tiếp, hợp tác

Nhóm 4: Năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực GDTH

**Đúng**

**Sai**

**Câu 2:** Chọn các phương án đúng cho câu hỏi sau: Cấu trúc CTĐT ngành GDTH gồm các Hp theo module:

- Kinh tế, chính trị, xã hội
- Khoa học giáo dục
- Ngoại ngữ, tin học
- Cơ sở ngành

- e. Chuyên ngành
- f. Thực tập tốt nghiệp
- g. Nâng cao, mở rộng
- h. Đặc thù, chuyên biệt

**Câu 3:** Điền vào chỗ có dấu chấm trong câu: “Chương trình cử nhân giáo dục tiểu học đào tạo sinh viên tốt nghiệp trở thành công dân tự chủ và có trách nhiệm xã hội; là nhà giáo dục với các phẩm chất và năng lực cần thiết; có khả năng ..... chương trình giáo dục tiểu học trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”.

- a. hình thành ý tưởng – thiết kế– thực hiện và đánh giá
- b. hình thành ý tưởng –thiết kế– thực hiện và phát triển
- c. hình thành ý tưởng –thiết kế– vận hành và đánh giá
- d. hình thành ý tưởng – phân tích – thực hiện và đánh giá

**Câu 4:** Chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTH có tổng bao nhiêu học phần, tín chỉ ?

- a. 38/125
- b. 37/126
- c. 39/120
- d. 32/130

**Câu 5:** Nối ghép cột A với cột B về chuẩn đầu ra cấp độ 3 ngành GDTH:

<b>A</b>	<b>B</b>
<b>Kiến thức</b>	PLO 4.1(2 CDR), PLO 4.2 (5 CDR)
<b>PC, NL cá nhân và nghề nghiệp</b>	PLO 3.1(2 CDR), PLO 3.2(2 CDR)
<b>NL giao tiếp, hợp tác và năng lực ICT</b>	PLO 2.1 (5 CDR); PLO 2.2 (2 CDR)
<b>NL thực hành CDIO (NL đặc thù ngành GDTH)</b>	PLO 1.1 (3CDR), PLO 1.2 (3 CDR), PLO 1.3 (4 CDR)